

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Vũ

Bà Phan Thị Cẩm Hồng

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký
Toà án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà:* Ông Lê Xuân Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2022/TLST-HS, ngày 22 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-HS, ngày 20 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Đoàn Văn T, sinh năm 1996 tại huyện P, tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 144/1, ấp T L, xã T H, huyện P, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 02/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Đoàn Văn L, sinh năm: 1966 (sống) và bà Trần Thị R, sinh năm: 1966 (sống); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Có 04 tiền án về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 138/2012/HSPT ngày 21 tháng 9 năm 2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre; Tội “Trộm cắp tài sản” theo: Bản án số 08/2015/HSST ngày 21 tháng 12 năm 2015 và Bản án số 08/2016/HSST ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre; Bản án số 19/2018/HSST ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 21 tháng 9 năm 2012, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số: 138/2012/HSPT ngày 21 tháng 9 năm 2012, chấp hành xong hình phạt vào ngày 04 tháng 8 năm 2015; Ngày 21 tháng 12 năm 2015, bị Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 08/2015/HSST ngày 21 tháng 12 năm 2015, chấp hành xong hình phạt vào ngày 01 tháng 8 năm 2016; Ngày 16 tháng 12 năm 2016, bị Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 08/2016/HSST ngày 16 tháng 12 năm 2016,

chấp hành xong hình phạt vào ngày 28 tháng 02 năm 2018; Ngày 30 tháng 7 năm 2018, bị Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 19/2018/HSST ngày 30 tháng 7 năm 2018, chấp hành xong hình phạt vào ngày 28 tháng 7 năm 2020, chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/01/2022 đến ngày 01/3/2022 và từ ngày 18/4/2022 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại tòa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo: Ông Đoàn Văn L, sinh năm: 1966; Bà Trần Thị R, sinh năm: 1966; Cùng nơi cư trú: Số nhà 144/1, ấp T L, xã T H, huyện P, tỉnh Bến Tre (Ông L, bà R có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Văn T: Ông Trần Nhật Long H – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư H N (có mặt).

- *Bị hại:* Chị Võ Thị Th, sinh năm: 1984; Anh Trần Văn T, sinh năm: 1984. Cùng nơi cư trú: ấp T L, xã T H, huyện P, tỉnh Bến Tre (Chị Th và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt).

Anh Võ Trí Th, sinh năm: 1992; Chị Đinh Thị Bích T, sinh năm: 1998. Cùng nơi cư trú: ấp T L, xã T H, huyện P, tỉnh Bến Tre (Anh Th và chị T có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm: 1988; Nơi cư trú: ấp T L, xã T H, huyện P tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đoàn Văn T có 01 tiền án về tội cướp tài sản, 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 28 tháng 7 năm 2020 lại tiếp tục thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện P cụ thể:

Vụ trộm thứ nhất: Lúc 02 giờ, ngày 10 tháng 8 năm 2021, Đoàn Văn T đi bộ từ nhà đến tiệm tạp hóa của chị Võ Thị Th và anh Trần Văn T ở ấp T L, xã T H, huyện P, tỉnh Bến Tre với ý định lấy trộm nước ngọt để uống. Sau khi đến tiệm tạp hóa của chị Th và anh T, Tích đột nhập bằng cách kéo cánh cửa ra trước để tạo khoảng trống phía dưới rồi chen người vào. T lần lượt lấy trộm 01 lon nước ngọt nhãn EAGLE, nằm văng tại tiệm uống hết và bỏ lại vỏ lon nước ngọt. Sau đó, T đến tủ đựng thuốc lá để lấy thuốc hút thì phát hiện có tiền trong tủ thuốc, nên đã lấy số tiền 207.000 đồng (Hai trăm lẻ bảy nghìn đồng). Tiếp đến, T đi vào phòng ngủ (không có cửa) của chị Th lấy trộm 02 điện thoại di động để trên đầu nằm chị Th đang ngủ. Sau khi lấy trộm được số tài sản trên, T mở cửa sau đi về nhà. Đến sáng ngày 10 tháng 8 năm 2021, chị Th phát hiện bị

mất trộm tài sản nên cùng chồng là anh Trần Văn T và anh Nguyễn Quốc T là người hàng xóm ở gần nói ông Đoàn Văn L để cùng tìm. Khi đến nhà của ông Đoàn Văn L là cha của Đoàn Văn T, anh T dùng điện thoại di động của anh T để điện vào hai số điện thoại của chị Th bị mất trộm thì phát hiện T đang giữ hai điện thoại nêu trên nên trình báo Công an đến giải quyết.

Vật chứng của vụ án đã tạm giữ gồm:

- Tiền Việt Nam 207.000 đồng (Hai trăm lẻ bảy nghìn đồng), gồm: 01 (một) tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng; 03 (ba) tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng; 07 (bảy) tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; 05 (năm) tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng; 01 (một) tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A51, loại cảm ứng, màu trắng, số imei1: 352353110557854, số imei2: 352354110557852, gắn sim số 039.854.8236, không có thẻ nhớ.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A9, loại cảm ứng, màu xanh, gắn ốp lưng màu đen, bằng nhựa, số imei1: 866967044731738, số imei2: 866967044731720, gắn sim 035.440.5293, không có thẻ nhớ.

- 01 (một) vỏ lon nước tăng lực nhãn hiệu EAGLE, có màu vàng cam, thể tích thực 250ml, NSX 18/12/2020, HSDL 17/12/2022.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 74/KL-HĐĐG ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T P kết luận:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A51; màu trắng; số sêri: R58MC0Z5C7M; số imei1: 352353110557854; số imei2: 352354110557852; điện thoại sử dụng 01 sim; không có thẻ nhớ, trị giá 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A9; số sêri: LALD71DB, số imei1: 866967044731738, số imei2: 866967044731720, điện thoại sử dụng 01 sim, trị giá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

- 01 (một) sim điện thoại di động mạng Viettel số thuê bao 0398548236, trị giá 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng).

- 01 (một) sim điện thoại di động mạng Viettel số thuê bao 0354405293, trị giá 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng).

- 01 (một) lon nước ngọt tăng lực hiệu EAGLE, vỏ bên ngoài có màu vàng cam, thể tích thực là 250ml, trị giá 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).

- 01 (một) ốp lưng bằng nhựa màu đen, đã qua sử dụng, vật phẩm kèm theo không xác định giá trị.

Tổng giá trị tài sản qua định giá là 5.210.000 đồng (Năm triệu hai trăm mười nghìn đồng).

Như vậy, tài sản Đoàn Văn T trộm cắp tài sản vào ngày 10 tháng 8 năm 2021 của chị Võ Thị Th và anh Trần Văn T là 5.417.000 (Năm triệu bốn trăm mười bảy nghìn đồng).

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 580/KL-VPYTW ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Viện pháp y tâm thần trung ương Biên Hòa xác định:

- Về y học:
 - + Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: Đang sự bị bệnh rối loạn nhân cách chống xã hội (F60.2-ICD.10)
- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi:
 - + Tại thời điểm gây án: Đang sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.
 - + Hiện nay: Đang sự đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Vụ trộm thứ hai: Do cần tiền tiêu xài cá nhân và đã biết từ trước tại nhà anh Võ Trí Th và chị Đinh Thị Bích T có xe mô tô nên lúc 01 giờ ngày 08 tháng 01 năm 2022, Tích đi bộ từ nhà ở ấp T L, xã H, huyện P, tỉnh Bến Tre đến nhà của anh Th và chị T ở cùng ấp (cách khoảng 500m), mục đích để lấy trộm tài sản là xe mô tô bán tiêu xài cá nhân. Khi đến nhà anh Thúc và chị T, T thấy nhà vẫn còn mở sáng đèn, cửa nhà đã đóng. T phát hiện tại sân nhà (không có cửa rào), có 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter, biển số 71C3-266.35 đậu trước cửa nhà, không người trông coi, chìa khóa gắn sẵn vào ổ khóa, nên T đã lấy trộm xe, T điều khiển xe tẩu thoát hướng T T mục đích tìm chỗ để bán lấy tiền. Khi T điều khiển xe mô tô đến địa bàn xã N thì bị lực lượng tuần tra phát hiện, lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi điều khiển xe mô tô tham gia giao thông không có giấy phép lái xe và tạm giữ xe mô tô biển số 71C3-266.35.

Vật chứng của vụ án tạm giữ gồm: 01 xe mô tô biển số 71C3-266.35.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐG ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Yamaha, số loại Jupiter, biển số 71C3-266.35, số máy 2S01029641, số khung 80106Y029641, trị giá 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 165/KL-VPYTW ngày 12 tháng 4 năm 2022 xác định:

- Về y học:
 - + Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: Đang sự bị bệnh rối loạn nhân cách chống xã hội (F60.2-ICD.10).
- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi:
 - + Tại thời điểm gây án: Đang sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

+ Hiện nay: Dương sự đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu để trả tài sản cho các bị hại gồm:

- Trả cho Võ Thị Th và anh Trần Văn T: Số tiền Việt Nam là 207.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A51; màu trắng; số seri: R58MC0Z5C7M; số imei1: 352353110557854; số imei2: 352354110557852; gắn sim số 0398548236; không có thẻ nhớ; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A9; số seri: LALD71DB, số imei1: 866967044731738, số imei2: 866967044731720, gắn sim số 0354405293, không có thẻ nhớ, có ốp lưng màu đen bằng nhựa.

- Trả cho Võ Trí Th và chị Đinh Thị Bích T: 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu YAMAHA, số loại JUPITER, biển số 71C3-266.35, số máy 2S01029641, số khung 80106Y029641.

Tại bản Cáo trạng số: 36/CT-VKS ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre đã truy tố Đoàn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P giữ quyền công tố luận tội và tranh luận có quan điểm không khác Cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 38; điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đề nghị xử phạt bị cáo Đoàn Văn T từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam từ ngày 26/01/2022 đến ngày 01/3/2022 là 35 ngày. Thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2022.

- Về áp dụng hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Võ Thị Th và anh Trần Văn T đã nhận lại tài sản bị mất là: Số tiền Việt Nam 207.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A51, màu trắng có gắn sim số 0398548236, không có thẻ nhớ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A9 có gắn sim số 0354405293, không có thẻ nhớ, có ốp lưng màu đen bằng nhựa. Bị hại anh Võ Trí Th và chị Đinh Thị Bích T đã nhận lại tài sản bị mất là 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu YAMAHA, số loại JUPITER, biển số 71C3-266.35. Các bị hại không có yêu cầu gì khác. Đối với lon nước ngọt tăng lực hiệu EAGLE bị cáo đã uống có giá 10.000 đồng, chị Th và anh T không có yêu cầu bị cáo bồi thường lon nước ngọt này, nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

- Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Các vật chứng đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, tỉnh Bến Tre xử lý xong trong giai đoạn điều tra, nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

Bị cáo Đoàn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện giống như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo có ý kiến: Thống nhất với nội dung, điều luật mà Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, thống nhất với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo luận tội của Kiểm sát viên. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, nên ngoài những tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị, thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Do khi phạm tội bị cáo bị bệnh hạn chế khả năng nhận thức, điều khiển hành vi; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có người thân có công với cách mạng, tài sản lấy trộm đã trả cho các bị hại, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cho bị cáo mức án thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Đoàn Văn T không có tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát, đồng ý và thống nhất với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị áp dụng hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo Đoàn Văn T nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Đoàn Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo; lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Mặc dù đang có 01 tiền án về tội cướp tài sản và 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi cá nhân và thái độ xem thường pháp luật, nên trong khoảng thời gian từ ngày 10/8/2021 đến ngày 08/01/2022, Đoàn Văn T đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể: Vào lúc 02 giờ, ngày 10 tháng 8 năm 2021, Đoàn Văn T đã lén lút đột nhập vào nhà chị Võ Thị Th và

anh Trần Văn T tại T L xã T H, huyện P, tỉnh Bến Tre lấy trộm số tiền 207.000 đồng (Hai trăm lẻ bảy nghìn đồng), 02 điện thoại di động cùng 02 sim điện thoại và 01 lon nước ngọt, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 5.417.000 (Năm triệu bốn trăm mười bảy nghìn đồng). Đến khoảng 01 giờ ngày 08 tháng 01 năm 2022, tại nhà của anh Võ Trí Th và chị Đinh Thị Bích T ở ấp T L, xã T H, huyện P, tỉnh Bến Tre, Đoàn Văn T đã lén lút trộm cắp 01 xe mô tô biển số 71C3-266.35, nhãn hiệu YAMAHA, số loại JUPITER, biển số 71C3-266.35, số máy 2S01029641, số khung 80106Y029641, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Tổng giá trị tài sản bị cáo T đã chiếm đoạt là 10.417.000 đồng (Mười triệu bốn trăm mười bảy nghìn đồng), nên bản Cáo trạng số: 36/CT-VKS, ngày 22/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Đoàn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo Đoàn Văn T là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Bị cáo phạm tội với tình tiết định khung tăng nặng tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại thời điểm gây án, bị cáo có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Tuy nhiên, bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà bị cáo đã trực tiếp gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đoàn Văn T bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo có người chú tên Đoàn Văn B là liệt sĩ, bà nội bị cáo là Phạm Thị G được truy tặng danh hiệu bà Mẹ Việt Nam anh hùng; tại thời điểm phạm tội bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, nên đây là các tình tiết được xem xét để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm h, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Đoàn Văn T là người có nhân thân xấu, đang có 01 tiền án về tội cướp tài sản và 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nhưng bị cáo vẫn không chịu cải tạo mà còn tiếp tục phạm tội nên cần áp dụng hình phạt tù thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo được tính răn đe, phòng ngừa chung cho cộng đồng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản bị mất. Đối với lon nước ngọt tăng lực hiệu EAGLE có giá 10.000 đồng, bị hại chị Võ Thị Th và anh Trần Văn T không có yêu cầu bị cáo bồi thường lon nước ngọt này. Ngoài ra, các bị hại không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, nên không xem xét giải quyết.

[8] Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Các vật chứng đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, tỉnh Bến Tre xử lý xong trong giai đoạn điều tra, nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên phân tích hành vi cấu thành tội phạm của bị cáo, hậu quả và tác hại của hành vi, tính chất mức độ hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ là phù hợp với tính khách quan của vụ án, đúng với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, nên ngoài những tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị nêu trên, Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) cho bị cáo. Ngoài ra, hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là quá nghiêm khắc. Do bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt thấp hơn đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[10] Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo về các tình tiết giảm nhẹ là phù hợp với tính khách quan của vụ án và việc đề nghị mức hình phạt cho bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bị cáo Đoàn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đoàn Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 26/01/2022 đến ngày 01/3/2022 là 35 (ba mươi lăm) ngày. Thời gian còn lại bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là 02 (năm) 04 (bốn) tháng lẻ 25 (hai mươi lăm) ngày. Thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Võ Thị Th, Trần Văn T, Võ Trí Th và Đinh Thị Bích T không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, nên không xem xét, giải quyết.

3. Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Các vật chứng đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, tỉnh Bến Tre xử lý xong trong giai đoạn điều tra, nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Đoàn Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đối với các bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị cáo vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ khi nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục THA DS huyện P;
- Bị cáo; Các bị hại;
- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy Tiên